**2.Chương trình đào tạo**

**Ngành Quản trị Kinh doanh – Chuyên ngành Quản trị nguồn nhân lực -mã ngành: 7340101**  
**Chương trình: Chương trình tiêu chuẩn**.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Khối kiến thức** | **Số tín chỉ** | **Chi tiết các môn học/học phần** |
| **1** | **Kiến thức giáo dục đại cương:    38 tín chỉ** | | |
| 1.1 | Môn lý luận chính trị, pháp luật | 12 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Pháp luật đại cương |
| 1.2 | Tiếng Anh | 15 | Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3 *Lưu ý*: *SV không đạt đầu vào Chương trình Tiếng Anh phải học thêm các phần Tiếng Anh bổ sung tùy năng lực, gồm có Tiếng Anh dự bị 1, 2, 3* *SV phải đạt được chuẩn đầu ra Tiếng Anh theo quy định* |
| 1.3 | Cơ sở tin học | 4 | Cơ sở tin học 1, Cơ sở tin học 2 và dự thi chứng chỉ MOS về MS.Word, Excel |
| 1.4 | Khoa học tự nhiên | 3 | Toán kinh tế |
| 1.5 | Kỹ năng hỗ trợ | 4 | Phương pháp học đại học, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng phát triển bền vững |
| 1.6 | Giáo dục thể chất |  | Bơi lội và 04 tín chỉ tự chọn về Giáo dục thể chất trong 15 môn Giáo dục thể chất. |
| 1.7 | Giáo dục quốc phòng |  | Gồm 03 học phần Giáo dục Quốc phòng |
| **2** | **Kiến thức giáo dục chuyên ngành:  90 tín chỉ** | | |
| 2.1 | Kiến thức cơ sở | 27 | Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Thống kê trong kinh doanh và kinh tế, Nguyên lý kế toán, Nguyên lý quản trị, Luật công ty, Nguyên lý Marketing, Quản trị tài chính |
| 2.2 | Kiến thức ngành | 63 |  |
|  | Các môn chung và môn bắt buộc | 50 | * Chuyên đề định hướng nghề nghiệp – QTNNL, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị văn phòng, Tâm lý học nghề nghiệp, Định mức lao động, Truyền thông và giao tiếp trong tổ chức * Quản trị dự án, Luật lao động, Tiền lương và phúc lợi, Hành vi tổ chức, Quan hệ lao động và việc làm, Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, Bảo hiểm xã hội, An toàn vệ sinh lao động, Quản lý hiệu quả công việc, Quản trị nguồn nhân lực quốc tế, Hoạch định và tuyển chọn nguồn nhân lực |
| Các môn học tự chọn | 3 | * Đàm phán thương lượng, Sự đa dạng trong môi trường làm việc |
| Tập sự nghề nghiệp | 2 | - SV thực hiện từ 2- 4 tháng làm việc tập sự tại doanh nghiệp như một nhân viên  - Thi kỳ thi kỹ năng thực hành chuyên môn |
| Môn tốt nghiệp | 8 | SV làm khóa luận hoặc tham gia học các môn thay thế tốt nghiệp |